TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN BÌNH CHÁNH** **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **367**/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 08-5-2024
V/v *"Tranh chấp ly hôn"*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH CHÁNH – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Thanh Huyền.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Nguyên

2. Bà Phan Thị Dòn

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Minh Thuận – Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 5 năm 2024, tại phòng xử án của Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh, tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 17/2024/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 01 năm 2024 về việc "Tranh chấp ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 93/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 11/03/2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 109/2024/QĐST-HNGĐ ngày 09 tháng 4 năm 2024, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà **Bùi Ngọc Hoàng H**, sinh năm 1983 (có đơn xin vắng mặt)

Địa chỉ: TL, xã T, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh.

Bị đơn: Ông **Phạm Văn T**, sinh năm 1981 (Vắng mặt không có lý do).

Địa chỉ: B, xã T, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong Đơn khởi kiện về việc ly hôn đề ngày 26/10/2023, bản tự khai ngày 10/01/2024, biên bản phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ ngày 11/03/2024 và biên bản về việc không tiến hành hòa giải được ngày 11/03/2024, nguyên đơn bà Bùi Ngọc Hoàng H trình bày:

Bà Bùi Ngọc Hoàng H và ông Phạm Văn T quen biết, tìm hiểu và tự nguyện đăng kí kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Tân Thới Nhất, Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh và được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 112 ngày 25/06/2007. Thời gian đầu hai

vợ chồng chung sống với nhau bình thường, được một thời gian thì bắt đầu phát sinh rạn nứt trong cuộc sống vợ chồng, cả hai không nói chuyện với nhau, do bản thân bà H cũng không sinh đẻ được nên chồng thường xuyên tránh mặt không muốn liên lạc với bà, thời gian vậy suốt mấy năm làm trạng thái tinh thần bà H càng nặng nề dẫn đến cuộc sống bà H căng thẳng và mệt mỏi. Sau đó ông T đã chuyển về sinh sống cùng mẹ ruột của ông T và không liên lạc gì với bà H nữa. Nhận thấy tình cảm giữa bà H và ông T đã không còn, hôn nhân không thể hàn gắn và mục đích hôn nhân không đạt được. Nay bà Bùi Ngọc Hoàng H yêu cầu được ly hôn với ông Phạm Văn T.

Về con chung: Bà Bùi Ngọc Hoàng H và ông Phạm Văn T không có con chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Bà H xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Bà H xác nhận không nợ ai, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn ông Phạm Văn T vắng mặt trong toàn bộ quá trình Tòa án giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay mà không có bất kỳ văn bản nào thể hiện ý kiến hay yêu cầu của mình đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa đã phát biểu ý kiến như sau:

- Về tố tụng: Trong suốt quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân và Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu của bà Bùi Ngọc Hoàng H đối với ông Phạm Văn T.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Bà Bùi Ngọc Hoàng H khởi kiện yêu cầu được ly hôn với ông Phạm Văn T. Căn cứ vào kết quả trả lời xác minh của Công an xã Tân Nhựt, huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh cung cấp thì: "Ông Phạm Văn T sinh năm 1981 có hộ khẩu thường trú và nơi ở hiện nay tại B, xã T, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh. Tại địa chỉ trên ông T sinh sống cùng mẹ ruột là Bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1954." Do ông T hiện đang thực tế cư trú tại địa chỉ số B2, xã T, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh nên căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh.

[2] Về sự vắng mặt của đương sự:

- Ông Phạm Văn T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai mà vẫn vắng mặt không có lý do nên căn cứ theo quy định tại Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt ông Phạm Văn T.

- Bà Bùi Ngọc Hoàng H có đơn đề nghị xét xử vắng mặt nên căn cứ theo quy định tại Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bà Bùi Ngọc Hoàng H.

[3] Về các yêu cầu của các đương sự, Hội đồng xét xử xét thấy như sau:

[3.1] Về quan hệ hôn nhân: Căn cứ theo Giấy chứng nhận kết hôn số 112, quyển số 01/2007 do Ủy ban nhân dân phường Tân Thới Nhất, quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 25/06/2007 thì có cơ sở xác định quan hệ hôn nhân giữa bà Bùi Ngọc Hoàng H và ông Phạm Văn T là hôn nhân hợp pháp theo quy định tại Điều 8, Điều 9 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Xét thấy trong quá trình giải quyết vụ án, bà Bùi Ngọc Hoàng H trình bày: Bà Bùi Ngọc Hoàng H và ông Phạm Văn T quen biết, tìm hiểu và tự nguyện đăng kí kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Tân Thới Nhất, Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh và được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 112 ngày 25/06/2007. Thời gian đầu hai vợ chồng chung sống với nhau bình thường, được một thời gian thì bắt đầu phát sinh rạn nứt trong cuộc sống vợ chồng, cả hai không nói chuyện với nhau, do bản thân bà H cũng không sinh đẻ được nên chồng thường xuyên tránh mặt không muốn liên lạc với bà, thời gian vậy suốt mấy năm làm trạng thái tinh thần bà H càng nặng nề dẫn đến cuộc sống bà H căng thẳng và mệt mỏi. Sau đó ông T đã chuyển về sinh sống cùng mẹ ruột của ông T và không liên lạc gì với bà H nữa. Nhận thấy tình cảm giữa bà H và ông T đã không còn, hôn nhân không thể hàn gắn và mục đích hôn nhân không đạt được. Nay bà Bùi Ngọc Hoàng H yêu cầu được ly hôn với ông Phạm Văn T.

Tòa án đã tiến hành tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng mời ông Phạm Văn T đến Tòa án để giải quyết vụ án tranh chấp về ly hôn giữa bà Bùi Ngọc Hoàng H và ông Phạm Văn T. Nhưng ông T vẫn không đến Tòa để giải quyết vụ án, cũng không có bất kỳ văn bản nào thể hiện ý kiến hoặc yêu cầu của mình đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Điều đó cho thấy ông T đã không quan tâm đến tình trạng hôn nhân cũng không thể hiện thiện chí trong việc hàn gắn tình cảm vợ chồng với bà Bùi Ngọc Hoàng H. Như vậy, ông T đã tự tước bỏ quyền được chứng minh của mình, nên ông ông Phạm Văn T phải chịu hậu quả của việc không chứng minh theo quy định tại Điều 91 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Trong quá trình giải quyết vụ án, bà Bùi Ngọc Hoàng H xác định vợ chồng đã phát sinh mâu thuẫn, cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc.

Theo khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, quy định: *"1. Khi vợ hoặc chồng yêu cầu ly hôn mà hòa giải tại Tòa án không thành thì Tòa án giải quyết cho ly hôn nếu có căn cứ về việc vợ, chồng có hành vi bạo lực gia đình hoặc vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được."*

Căn cứ vào Công văn số 260/UBND ngày 22/01/2024 của Ủy ban nhân dân xã Tân Nhựt về việc trả lời xác minh tình trạng hôn nhân của bà Bùi Ngọc Hoàng H và ông Phạm Văn T có nội dung như sau: "*Trong quá trình sinh sống tại địa phương, cuộc sống hôn nhân giữa bà Bùi Ngọc Hoàng H và ông Phạm Văn T có xảy ra mâu thuẫn (không rõ nguyên nhân). Uỷ ban nhân dân xã không tiến hành giải quyết mâu*

thuẫn về hôn nhân giữa bà Bùi Ngọc Hoàng H và ông Phạm Văn T do không có yêu cầu. Bà H và ông T không còn sống chung với nhau tại địa chỉ B, xã T, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh; ông T đang sống tại địa chỉ trên; bà H hiện đang sống tại địa chỉ TL, xã T, huyện C, thành phố Hồ Chí Minh. Bà H và ông T không có con chung".

Xét thấy bà Bùi Ngọc Hoàng H và ông Phạm Văn T đã có thời gian sống ly thân với nhau, cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc, vợ chồng đã không còn thương yêu, quý trọng, chăm sóc, giúp đỡ nhau, cùng nhau xây dựng gia đình no ấm, bình đẳng, tiến bộ, hạnh phúc theo quy định tại Điều 19 Luật Hôn nhân và gia đình về tình nghĩa vợ chồng. Mặt khác, trong quá trình hòa giải tại Tòa, ông Thọ cũng không đến Tòa án tham gia tố tụng theo giấy triệu tập để Tòa án hòa giải, động viên hai bên đoàn tụ, hàn gắn tình cảm vợ chồng, điều này chứng tỏ giữa hai người đã không còn tình cảm và không có thiện chí để đoàn tụ. Xét thấy, tình trạng hôn nhân giữa bà H và ông T mâu thuẫn là có thật và đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do đó, Hội đồng xét xử nhận thấy việc bà Bùi Ngọc Hoàng H yêu cầu ly hôn với ông Phạm Văn T là hoàn toàn phù hợp với quy định tại Điều 51, Điều 56 Luật hôn nhân gia đình. Từ các nhận định trên và xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Chánh, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Bùi Ngọc Hoàng H đối với ông Phạm Văn T.

[3.2] Về con chung: Căn cứ lời khai của bà Bùi Ngọc Hoàng H thì bà H và ông Phạm Văn T không có con chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[3.3] Về tài sản chung và nợ chung: Bà Bùi Ngọc Hoàng H xác định quá trình chung sống cùng ông Phạm Văn T không có tài sản chung, không nợ ai.

Ông Phạm Văn T vắng mặt trong toàn bộ quá trình Tòa án giải quyết vụ án và tại Tòa hôm nay, không có văn bản thể hiện ý kiến của mình về vấn đề tài sản chung và nợ chung giữa bà Bùi Ngọc Hoàng H và ông Phạm Văn T. Do đó, Hội đồng xét xử không xét đến vấn đề tài sản chung và nợ chung giữa bà Bùi Ngọc Hoàng H và ông Phạm Văn T. Nếu sau này các bên đương sự có tranh chấp sẽ được giải quyết bằng một vụ án khác.

[4] Về án phí: Theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án thì bà Bùi Ngọc Hoàng H phải chịu án phí sơ thẩm đối với yêu cầu ly hôn là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 91, khoản 4 Điều 147; Điều 227, Điều 228 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ các Điều 8. Điều 9, Điều 19, Điều 51, Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Bùi Ngọc Hoàng H đối với ông Phạm Văn T.

Quan hệ hôn nhân giữa bà Bùi Ngọc Hoàng H và ông Phạm Văn T chấm dứt. Giấy chứng nhận kết hôn số 112, quyển số 01/2007 do Ủy ban nhân dân phường Tân Thới Nhất, Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 25/6/2007 không còn giá trị pháp lý kể từ ngày bản án này có hiệu lực pháp luật.

2. Về con chung: Bà Bùi Ngọc Hoàng H xác định bà Bùi Ngọc Hoàng H và ông Phạm Văn T không có con chung. Do đó, Hội đồng xét xử không xét đến vấn đề con chung giữa bà Bùi Ngọc Hoàng H và ông Phạm Văn T.

3. Về tài sản chung: Bà Bùi Ngọc Hoàng H xác định không có tài sản chung. Do đó, Hội đồng xét xử không xét đến vấn đề tài sản chung giữa bà Bùi Ngọc Hoàng H và ông Phạm Văn T. Nếu sau này các bên đương sự có tranh chấp sẽ được giải quyết bằng một vụ án khác.

4. Về nợ chung: Bà Bùi Ngọc Hoàng H xác định không có nợ chung. Do đó, Hội đồng xét xử không xét đến vấn đề nợ chung giữa bà Bùi Ngọc Hoàng H và ông Phạm Văn T.

5. Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Bà Bùi Ngọc Hoàng H phải chịu 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng án phí nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2023/0021018 ngày 27/12/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh. Bà Bùi Ngọc Hoàng H đã nộp đủ án phí.

6. Về quyền kháng cáo: Bà Bùi Ngọc Hoàng H và ông Phạm Văn T có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND TP.HCM (1);
- VKSND H. Bình Chánh (2);
- Chi cục THADS H. Bình Chánh (1);
- Đương sự (2);
- UBND Phường Tân Thới Nhất, Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh (1);
- Lưu VP, hồ sơ vụ án (4).

2 000012 285202

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Thị Thanh Huyền